

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ
HẠ THỊ THU THỦY. *Đánh giá hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp ở Việt Nam*

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 9.31.01.05

Kể từ sau Đổi mới, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới, đạt mức tăng trưởng kinh tế cao trong một thời gian dài. Trong giai đoạn 2001-2007, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam cao thứ nhì châu Á chỉ sau Trung Quốc, nhưng đã chậm lại kể từ năm 2008. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, sự sụt giảm này là do tăng trưởng chủ yếu dựa vào việc tăng vốn đầu tư, nên khi tốc độ tăng vốn đầu tư sụt giảm cũng dẫn đến sự sụt giảm của tốc độ tăng trưởng. Vậy, hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp (DN) Việt Nam đang ở mức độ nào? Sử dụng các số liệu vi mô, cụ thể là số liệu điều tra DN, thông qua các mô hình kinh tế lượng, Luận án đem đến những bằng chứng cụ thể về hiệu quả đầu tư phân theo loại hình sở hữu, địa bàn và phân theo ngành của DN ở Việt Nam, đồng thời chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả đầu tư của họ.

Nội dung chính của Luận án được trình bày trong 4 chương. Chương 1 trình bày tổng quan các nghiên cứu liên quan đến đề tài. Chương 2 trình bày cơ sở lý luận và phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư của DN, bao gồm các khái niệm, lý thuyết đầu tư, các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư và phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư của DN ở Việt Nam. Chương 3 phân tích thực trạng hiệu quả đầu tư của các DN ở Việt Nam, khuôn khổ chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư của DN, các kết quả nghiên cứu về đánh giá hiệu quả đầu tư và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của DN ở

Việt Nam. Chương 4 làm rõ bối cảnh vĩ mô trong và ngoài nước giai đoạn 2021-2025 ảnh hưởng tới hiệu quả đầu tư của DN; đề xuất quan điểm, định hướng phát triển và nâng cao hiệu quả đầu tư của DN, từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của DN ở Việt Nam.

Theo nghiên cứu của Luận án, đánh giá hiệu quả đầu tư của DN được hiểu là việc xem xét, so sánh các chỉ tiêu đo lường hoạt động đầu tư theo thời gian của một DN, so sánh giữa các DN cùng ngành, cùng quy mô hoặc so sánh giữa các DN có sự khác biệt về loại hình sở hữu để đưa ra những nhận định về hiệu quả đầu tư của từng khối DN. Việc đánh giá hiệu quả đầu tư của DN được thực hiện dưới góc nhìn của cơ quan quản lý nhà nước.

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư của DN được tác giả chỉ ra bao gồm: (i) *Hiệu quả kinh tế-xã hội*: Giá trị gia tăng thuần túy; Chi số lao động có việc làm, Mức đóng góp cho ngân sách tăng thêm trong kỳ nghiên cứu của DN so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của DN; Mức tiết kiệm ngoại tệ tăng thêm so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của DN; Mức thu nhập (hay tiền lương của người lao động) tăng thêm so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của DN. (ii) *Hiệu quả tài chính*: Doanh thu tăng thêm so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của DN (cho biết mức doanh thu tăng thêm tính trên 1 đơn vị vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của DN); Tỷ suất sinh lời vốn đầu tư (được xác định bằng việc so sánh lợi nhuận tăng thêm trong kỳ nghiên cứu của DN với tổng vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của DN).

Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của DN bao gồm: (i) *Môi trường đầu tư* (Chính sách về đầu tư và kinh doanh; Chi phí không chính thức; Tiếp cận các nguồn lực đầu vào); (ii) *Các yếu tố từ đặc điểm DN* (Loại hình sở hữu, địa bàn hoạt động của DN, quy mô DN, ngành sản xuất kinh doanh).

Kết quả phân tích thực trạng phát triển DN ở Việt Nam giai đoạn 2005-2019 của Luận án cho thấy, trong bối cảnh Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư đã có những sửa đổi cho phù hợp với bối cảnh mới, các DN tư nhân được tạo nhiều điều kiện để hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể thấy, trong giai đoạn này số lượng DN đã tăng lên rất nhanh, đặc biệt là DN ở khu vực tư nhân. Về quy mô DN, đa phần DN ở Việt Nam là các DN có quy mô nhỏ và vừa, số lượng DN lớn chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Các chính sách khác liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư của DN ở Việt Nam như Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Đất đai, các chính sách tín dụng... đã có những sửa đổi để phù hợp với bối cảnh Việt Nam tham gia ngày càng nhiều vào các cam kết quốc tế.

Xét theo hiệu quả kinh tế-xã hội, Luận án chỉ rõ sự đóng góp của các DN ở Việt Nam vào ngân sách nhà nước đã tăng liên tục trong giai đoạn 2005-2019, và DN tư nhân đã vượt qua DN nhà nước và DN FDI trong việc đóng góp vào ngân sách nhà nước. Hiệu quả lao động cũng tăng lên theo thời gian ở các DN. Mặc dù khu vực DN tư nhân có tốc độ tăng năng suất lao động cao nhất so với khu vực DN nhà nước và khu vực DN FDI, nhưng năng suất lao động của khu vực DN tư nhân vẫn thấp nhất. Xét theo hiệu quả tài chính, kết quả nghiên cứu của Luận án cho thấy không có sự khác biệt về giá trị của các chỉ tiêu tài chính theo thời gian.

Kết quả ước lượng các mô hình cho thấy: quy mô DN có tác động tích cực tới hiệu quả đầu tư của DN ở Việt Nam. Trong khi đó, việc vay nợ đang cản trở DN tư nhân tăng vốn đầu tư và từ đó làm giảm hiệu quả đầu tư của DN tư nhân.

Giai đoạn 2021-2025, theo tác giả, kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng nhẹ, trong khi kinh tế Việt Nam sẽ có nhiều thuận lợi trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Về quan điểm và định hướng phát triển DN ở Việt Nam trong giai đoạn này, tác giả cho rằng, việc ban hành và thực thi các chính sách DN cần nhất quán trong việc xác định vai trò, ý nghĩa của khu vực DN trong nền kinh tế. Trong tương lai, định hướng phát triển DN cần chú trọng vào khu vực DN tư nhân. Đối với khu vực DN nhà nước, Việt Nam cần có cơ chế giám sát phù hợp để họ được chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm thiểu xung đột lợi ích giữa các bên. Một số hàm ý chính sách được tác giả đưa ra nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của DN ở Việt Nam trong giai đoạn tới, trong đó tập trung vào kiến nghị nhằm cải thiện môi trường đầu tư, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Luận án cũng đề xuất một số hàm ý chính sách và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của DN như: phát triển nguồn nhân lực trong DN, hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ thông tin và hỗ trợ kỹ thuật cho DN phù hợp với điều kiện của các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Viện, họp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương năm 2022.

PHẠM NGUYỄN
giới thiệu